

Bản án số: 32/2020/DS-PT

Ngày: 03/3/2020

V/v: “ *Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Nguyễn Văn Tào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2020/QĐ-PT ngày 30/01/2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Thái H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn X, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

*** Bị đơn:**

1. Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1961; Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trương Văn Đ là bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Lê T, sinh năm 1965, Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Lê H1, sinh năm 1967. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1980. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
 5. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1948. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Thôn X, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện D;
Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn Th - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D.

Trụ sở: 149 đường L, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hữu H3 – Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn X, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Bà Huỳnh Thị Bích T3, sinh năm 1990. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Huỳnh Thị Bích T4, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1969

6. Bà Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1987

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Thanh H4 là bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1948. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

7. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh năm 1987

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ Tr là bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

9. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969

10. Ông Lê Quốc T5, sinh năm 1990

11. Ông Lê Quốc T6, sinh năm 1998

12. Bà Lê Thị Mỹ Tr1, sinh năm 1994

Đại diện theo ủy quyền của bà N, ông T5, ông T6, bà Tr1: Ông Lê H1, sinh năm 1967. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

13. Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1942

14. Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1972

15. Bà Lê Thị Mỹ Tr1, sinh năm 1996

16. Ông Lê Văn T8, sinh năm 1999

Đại diện theo ủy quyền của bà T7, bà L1, bà Tr1, ông T8: Ông Lê T, sinh năm 1965. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thái H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như N1 trình bày:**

Nguồn gốc 02 thửa đất số 16 và 1164, tờ bản đồ số 03 tại xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa của ông bà ngoại ông H là ông Nguyễn H5 và bà Phạm Thị Ch đã cho mẹ ông là bà Nguyễn Thị Thanh O, sau đó mẹ đã cho vợ chồng ông. Vợ chồng ông H đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCN: 00181 QSDĐ/ST-DK ngày 01/6/1998 (đối với thửa đất số 16) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCN: CH01426 ngày 31/12/2014 (đối với thửa đất số 1164). Sau năm 1975, ông H chung sống với cha mẹ thì chưa có đường đi chung xuyên qua hai thửa đất trên. Sau khi ông H lấy vợ về thì thấy có đường đi chung này, lúc đó chỉ là lối mòn nhỏ do gia đình ông H cho họ đi nhờ. Vào năm 2014, gia đình ông H nhận thấy phần đất có lối đi đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H và những hộ dân đi lại trong phần đất đã được cấp sổ gây bất tiện nên gia đình ông H rào lại lối đi này thì xảy ra tranh chấp với các hộ ông Trương Văn Đ, ông Lê T, ông Lê H1, bà Lê Thị T1, bà Nguyễn Thị H2. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã S1 hòa giải nhưng không thành.

Nay ông H yêu cầu 05 hộ ông Trương Văn Đ, ông Lê T, ông Lê H1, bà Lê Thị T1, bà Nguyễn Thị H2 trả lại cho ông H diện tích khoảng 60m² thuộc thửa đất số 16 và 1164, tờ bản đồ số 03 tại xã S1, huyện D mà 05 hộ đang sử dụng làm đường đi. Đồng thời ông H đã mở một đường đi khác cho 05 hộ sử dụng.

*** Bị đơn ông Trương Văn Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị S trình bày:**

Nguồn gốc thửa đất của ông Trương Văn Đ và ông Lê H1 là của ông Trần Ia. Năm 1979, ông Ia bán cho ông Nguyễn Nhĩ, năm 1989 ông Nhĩ bán cho ông Đ, năm 2006 ông Đ bán một phần cho ông H1. Hiện nay, ông H1 đã cất nhà ở trên thửa đất này nhưng chưa sang tên cấp sổ theo quy định pháp luật và sử dụng lối đi tranh chấp với ông H.

Thửa đất số 1164 của ông Huỳnh Thái H được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCN: CH01426 ngày 31/12/2014 là đất bố mẹ ông H để lại cho ông H. Thửa đất số 16 của ông H được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCN: 00181 ngày 01/6/1998 là đất nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị H2 vào năm 1991, khi chuyển nhượng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 1998 ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với đường đi đang tranh chấp, đường đi này đã hình thành từ trước năm 1979 và 05 hộ Bị đơn vẫn sử dụng cho đến nay. Khi Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thì 05 hộ bị đơn không biết và không được lấy ý kiến. Người dân trong thôn biết lối đi này hình thành từ trước năm 1979 đến nay.

Việc Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thái H chồng lần lên đường đi chung là không đúng. Các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thái H và yêu cầu Tòa án hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00181 QSDĐ/ST-DK ngày 01/6/1998 và số CH01426 ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện D; giữ nguyên đường đi chung cho 05 hộ bị đơn.

Về việc ông Huỳnh Thái H bố trí lối đi khác cho 05 hộ bị đơn, lối đi này được cắt một phần đất của ông H, một phần đất của ông Huỳnh Thái Hoan (em ruột ông H), nhưng con ông H1 là anh Huỳnh Nhật Nam hiện đang sử dụng đất này không cho 05 hộ bị đơn đi. 05 hộ bị đơn cũng không đồng ý đi lối đi ông H mới bố trí, vì lối đi đang tranh chấp hiện nay đã hình thành từ trước năm 1997 và các hộ dân đã sử dụng từ đó đến nay.

*** Bị đơn ông Lê T, ông Lê H1, bà Lê Thị T1 và bà Nguyễn Thị H2 đều trình bày:**

- Nguồn gốc đất của ông Trương Văn Đ và ông Lê H1 hiện nay là đất trường gia do Nhà nước cấp cho ông Trần Ia năm 1979. Ông Ia bán cho ông Nhĩ. Năm 1989, ông Nhĩ bán cho ông Đ. Năm 2006, ông Đ bán cho ông H1.

- Nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị H2 do ông bà ngoại để lại và đã tặng cho bà Nguyễn Thị Đ1, sau đó bà Đ1 cắt một phần cho bà H2 làm nhà ở cho đến nay.

- Nguồn gốc đất của ông Lê T và bà Lê Thị T1 là đất trường gia cấp cho ông Lê Hân (cha ông T). Ông Hân mất, khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị T7 (mẹ ông T).

Đối với nguồn gốc đất và việc UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Như ông Đ đã trình bày ở trên, các bị đơn đều không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H buộc các bị đơn phải trả lại phần đất có lối đi hiện tại khoảng 60m² và không đồng ý đi theo lối đi mới do ông H tự mở.

Việc Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thái H chồng lần lên đường đi chung là không đúng. Các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H và yêu cầu Tòa án hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00181 QSDĐ/ST-DK ngày 01/6/1998 và số CH01426 ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện D; giữ nguyên đường đi chung cho 05 hộ bị đơn.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày:

Tôi thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của chồng tôi là ông Huỳnh Thái H và không bổ sung gì thêm.

- Bà Huỳnh Thị Bích T3, bà Huỳnh Thị Bích T4 trình bày:

Bà T3 và bà T4 đều thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thái H, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý với yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị đơn.

- Bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Thanh H4 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà Đ1, bà H4 thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà Nguyễn Thị H2 trình bày ở trên.

- Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Mỹ Tr ủy quyền cho bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà S và bà Tr hoàn toàn thống nhất với ý kiến của bị đơn ông Trương Văn Đ, không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Mỹ Tr1, ông Lê Quốc T5 và ông Lê Quốc T6 ủy quyền cho ông Lê H1 trình bày:

Các ông, bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bị đơn ông Lê H1 trình bày ở trên và không bổ sung gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị T7, bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Lê Thị Mỹ Tr1 và ông Lê Văn T8 ủy quyền cho ông Lê T trình bày:

Các ông, bà đều thống nhất với ý kiến của bị đơn ông Lê T và không bổ sung gì thêm.

- Ủy ban nhân dân huyện D trình bày:

Tại văn bản trình bày ý kiến số 171/UBND ngày 03/4/2019, Ủy ban nhân dân huyện D xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00181/QSDĐ/ST-DK cấp ngày 01/6/1998 UBND huyện D cấp cho ông Huỳnh Thái H và bà Nguyễn Thị Thanh T2, trong đó có thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04 được giao theo Nghị định 64. Đối với thửa đất số 1164 tờ bản đồ 04, diện tích 420m² UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01426 ngày 31/12/2014 cho ông Huỳnh Thái H. Hai thửa đất nêu trên trong quá trình xét cấp không có tranh chấp. UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà T2 đúng theo quy định pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện D không đồng ý với yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của các bị đơn.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Áp dụng:

- Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai 2013;
- Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 164, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 32 Luật tổ tụng hành chính;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Huỳnh Thái H về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” đối với lỗi đi hiện trạng tại thửa đất số 16 và 1164, tờ bản đồ số 04, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa với các bị đơn ông Trương Văn Đ, ông Lê T, ông Lê H1, bà Lê Thị T1 và bà Nguyễn Thị H2 (sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Không chấp nhận yêu cầu mở lỗi đi của nguyên đơn, ông Huỳnh Thái H qua các thửa đất số 16, 17 và 177 tờ bản đồ số 04 tại xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn, ông Trương Văn Đ, ông Lê T, ông Lê H1, bà Lê Thị T1 và bà Nguyễn Thị H2 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00181/QSĐĐ/ST-DK ngày 01/6/1998 của Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Huỳnh Thái H và bà Nguyễn Thị Thanh T2; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01426 ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Huỳnh Thái H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 21/10/2019 nguyên đơn ông Huỳnh Thái H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Nguồn gốc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04, diện tích 151 m² tại xã S1, huyện D có nguồn gốc là của ông Huỳnh Thái Khanh cho ông Huỳnh Thái H năm 1986. Ngày 01/6/1998, UBND huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00181/QSĐĐ/ST-DK, cấp cho ông Huỳnh Thái H và bà Nguyễn Thị Thanh T2. Đối với thửa đất 1164, tờ bản đồ số 04, diện tích 420 m² tại xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo hồ sơ tự kê khai và được UBND xã S1 xác nhận thửa đất này là do ông Huỳnh Thái H khai hoang năm 1994 và đã được UBND huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01426 ngày 31/12/2014, cấp cho ông Huỳnh Thái H.

Nguyên đơn ông Huỳnh Thái H cho rằng các thửa đất nêu trên đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho Ông, Ông cho các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đi nhờ, nay Ông yêu các bị đơn trả lại

phần đất có lối đi diện tích 137,2 m² nêu trên, mở lối đi khác. Còn các bị đơn cho rằng lối đi chung diện tích nêu trên được hình thành từ trước năm 1979, không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời có yêu cầu phản tố đề nghị hủy hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H, bà T2.

Xét:

[1]. Theo Bản đồ địa chính cho thấy hai thửa đất nêu trên ranh giới không thể hiện có lối đi theo hiện trạng sử dụng hiện nay. Tuy nhiên, theo những người làm chứng xác định lối đi mà nguyên đơn và các bị đơn tranh chấp đã được hình thành từ trước năm 1979 cho đến nay; các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như nhiều người làm chứng khác đều trình bày đã sinh hoạt, đi lại trên lối đi chung này từ trước năm 1979.

Theo văn bản trả lời xác minh của UBND xã S1, xác định: lối đi chung trên đã hình thành từ trước năm 1975. Thực tế cho thấy các hộ dân gần khu vực đất tranh chấp đã sinh sống, đi lại sinh hoạt trên lối đi này từ trước năm 1979.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2019, cho thấy nhà bị đơn là bà Nguyễn Thị H2 nằm vị trí đoạn giữa lối đi chung. Theo hiện trạng này thì gia đình bà H2 nếu không sử dụng lối đi chung hiện tại đang tranh chấp thì cũng không còn lối đi nào khác.

Như vậy, lối đi chung giữa nguyên đơn và các bị đơn tranh chấp có thực tế đã tồn tại từ trước năm 1979. Các hộ dân bao gồm các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người dân ở tại khu vực tranh chấp đã sử dụng lối đi chung này trong sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời, các hộ dân có tranh chấp bên trong lối đi này không còn lối đi nào khác nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là đúng.

[2]. Đối với yêu cầu mở lối đi mới của nguyên đơn: Theo nguyên đơn trình bày lối đi tự mở thuộc thửa đất 16 (đất ông H) và 177 (đất mộ chung của họ tộc), tờ bản đồ số 04 tại xã S1. Thực tế xem xét thẩm định và theo sơ đồ bản vẽ do ông Huỳnh Thái H chỉ ranh mốc đất để vẽ hình thành nên lối đi mới thể hiện có một phần diện tích thửa 16 (đất ông H: 48,8m²), thửa 17 (62m²: đất ông Huỳnh Thái Hoan, bà Bùi Thị Sương) và thửa 177 (40,5m²: đất mộ địa họ tộc). Như vậy, diện tích lối đi mới tự mở của thửa 16 và 177 không thuộc Quyền sử dụng hợp pháp của Ông H nên ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sử dụng đất khác. Đồng thời, các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý thỏa thuận với ông H trong việc mở lối đi mới. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận mở lối đi mới này của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và yêu cầu của các đương sự khác.

[3]. Đối với các bị đơn có yêu cầu phản tố hủy hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông H, bà T2 nêu trên.

Xét quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà T2, Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa chưa xác minh làm rõ thực tế có tồn tại lỗi đi chung hay không nhưng đã cấp diện tích lỗi đi chung vào phần đất của ông H, bà T2 dẫn đến các bên tranh chấp và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn, hủy hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H, bà T2 để UBND huyện D, tỉnh Khánh Hòa xem xét cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để phù hợp với thực tế sử dụng đất cho ông H, bà T2 là đúng quy định pháp luật.

Xét: Tòa án cấp thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không xuất trình chứng cứ nào mới, khác so với án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Thái H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (đã nộp).

[6]. Các quyết định khác còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Thái H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Áp dụng: Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai 2013;

Áp dụng: Điều 34; Điều 147, Điều 157, Điều 164, Điều 227, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 32 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thái H, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” đối với lối đi hiện trạng tại thửa đất số 16 và 1164, tờ bản đồ số 04, xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa với các bị đơn ông Trương Văn Đ, ông Lê T, ông Lê H1, bà Lê Thị T1, bà Nguyễn Thị H2.

2. Không chấp nhận yêu cầu mở lối đi mới của nguyên đơn ông Huỳnh Thái H qua các thửa đất số 16, 17, 177; tờ bản đồ số 04 tại xã S1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn là ông Trương Văn Đ, ông Lê T, ông Lê H1, bà Lê Thị T1, bà Nguyễn Thị H2 về việc: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00181/QSDĐ/ST-DK ngày 01/6/1998 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông Huỳnh Thái H và bà Nguyễn Thị Thanh T2; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01426 ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông Huỳnh Thái H.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh Thái H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0001024 ngày 23/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Long